

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2020/DS-ST**

Ngày: 04/02/2020

V/v T/C Hợp đồng góp hui và vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

2. Bà Lưu Thị Tám.

Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 04/02/2020, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 313/2020/TLST-DS ngày 06/12/2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hui và vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2019/QĐXXST- DS ngày 27/12/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 15/01/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2019, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Bà H có làm đầu thảo hui, bà là hui viên, tham gia hai dây hui, cụ thể như sau:

Dây 1: Hui tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 30/6/2017, có 34 phần, bà Y tham gia 01 phần, bà Y đóng hui sống được 16 lần, mỗi lần đóng hui khoảng 1.600.000 đồng. Tháng 11/2018 bà H úp hui và ra giá trả bà số tiền hui là 25.000.000 đồng, sau đó bà H có trả cho bà Y được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 23.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Dây 2: Hui tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 15/10/2017, có 25 phần, bà Y tham gia 01 phần, bà Y đóng hui sống được 13 lần, mỗi lần đóng hui khoảng 1.600.000 đồng. Tháng 11/2018 bà H úp hui và ra giá trả cho bà số tiền hui là 20.000.000 đồng, nhưng bà H đến nay vẫn chưa trả.

Ngoài ra, năm 2017 bà H có vay của bà Y số tiền là 65.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2.000.000đ/tháng. Bà H có đóng tiền lãi được mấy tháng đầu rồi ngưng không đóng nữa. Sau đó bà H có trừ 20.000.000 đồng (tiền hui chết của dây hui khác bà Y nợ bà H), còn lại 45.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Tổng số tiền hui và tiền vay bà H còn nợ là: 23.000.000đ + 20.000.000đ + 45.000.000đ = 88.000.000 đồng.

Nay bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng vẫn đề cụ thể như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà số tiền còn nợ là 88.000.000 đồng. Bà Y đồng ý cho bà H trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 88.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H thống nhất với lời trình bày của bà Y nêu trên. Bà H thống nhất còn nợ bà Y số tiền nợ hui và nợ vay là 88.000.000 đồng. Bà đồng ý trả số tiền còn nợ là 88.000.000 đồng nêu trên cho bà Y nhưng nay do hoàn cảnh khó khăn, bản thân bà bị bệnh nặng, không có thu nhập nên bà yêu cầu trả cho bà Y mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 43.000.000 đồng. Sau đó, số nợ còn lại là 45.000.000 đồng, bà yêu cầu trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, kết quả tranh luận của những người tham gia phiên tòa nhận thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hui và số tiền vay là 88.000.000 đồng thì bị đơn thống nhất có giao dịch hợp đồng hui, hợp đồng vay và thừa nhận nợ số tiền như nguyên đơn khởi kiện, phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho

Tòa án tại bút lục 18-19, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất có thỏa thuận Hợp đồng góp hội và vay tài sản. Số tiền nợ hội và vốn vay các bên đã thống nhất bị đơn còn nợ của nguyên đơn 88.000.000 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ nhận định rằng Hợp đồng góp hội và vay tài sản giữa bà Y và bà H được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng phía bà Y và bà H đều là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa bà Y và bà H là hợp pháp. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 463, 466, 471, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y, buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Y số tiền nợ hội và nợ vay là 88.000.000 đồng.

[1.2] Đối với yêu cầu của bà Y và bà H về thời gian trả dần số nợ trên, Hội đồng xét xử xét thấy thuộc lĩnh vực thi hành án nên không xem xét.

[2] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 88.000.000 đồng x 5%

= 4.400.000 đồng nhưng được miễn nộp do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUY XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H trả số tiền hội và vốn vay là 88.000.000 đồng. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền hội và vốn vay là 88.000.000 đồng

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị H còn phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị Y theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H được miễn nộp án phí do thuộc diện người cao tuổi theo quy định. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y được nhận lại 2.200.000 đồng tiền án phí từ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001047 ngày 06/12/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa